

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 51/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18/9/2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung và nợ chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đời - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Cán bộ phòng tư pháp quận S.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2017/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản chung, nợ chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2017/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2017/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T - Sinh năm: 1976. Trú tại: Số nhà 05, đường Tôn Thất Thuyết, phường F, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tường V - Sinh năm: 1980 - Trú tại: số nhà 45, đường Đỗ Xuân Hợp, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ông Nguyễn Minh K - Sinh năm: 1946 và bà Nguyễn Thị Kim X - Sinh năm: 1946; cùng trú tại: Số nhà 05, đường Tôn Thất Thuyết, phường F, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (cùng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29 tháng 5 năm 2017, nguyên đơn - ông Nguyễn Anh T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và chị Nguyễn Thị Tường V kết hôn năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 87 Đỗ Huy Uyển, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống và tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương chị Nguyễn Thị Tường V nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

* Về con chung: Tôi và chị Nguyễn Thị Tường V có 02 con chung, tên: Nguyễn Anh Uyên P - sinh ngày 08/11/2005 và Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 12/01/2009. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi là được nuôi con Nguyễn Tuấn A, giao con Nguyễn Anh Uyên P cho chị Nguyễn Thị Tường V nuôi dưỡng, hai chúng tôi không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung.

- Tại bản tự khai ngày 30 tháng 3 năm 2017, ý kiến trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là Bà Nguyễn Thị Tường V trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Anh T kết hôn năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 87 Đỗ Huy Uyển, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau vì ông T vướng vào nợ nần và sử dụng ma túy, từ đó vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Năm 2014 bà có làm đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân quận S nhưng ông T xin bà tha thứ nên đầu năm 2015 vợ chồng quay lại chung sống với nhau tại chung cư Netshome phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống với nhau ông T cũng không sửa đổi, vẫn vướng vào nợ nần, ma túy, suốt năm 2015 bà luôn sống trong sợ hãi. Vì vậy, đến đầu năm 2016 bà đem hai con về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay. Nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Anh T

* Về con chung: Bà và ông Nguyễn Anh T có 02 con chung tên: Nguyễn Anh Uyên P - sinh ngày 08/11/2005 và Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 12/01/2009. Ly hôn, bà xin được nuôi hết cả 02 con. Trước đây, bà yêu cầu ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5000.000đ (2.500.000đ/con) nhưng tại phiên tòa bà chỉ yêu

cầu ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000đ (1.500.000đ/con).

* Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng bà không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Tại bản tự khai ngày 30 tháng 3 năm 2017 bà xác định vợ chồng không có nợ chung.

Tuy nhiên, ngày 26 tháng 5 năm 2017 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Kim X đã có đơn yêu cầu độc lập và trình bày như sau:

Ngày 02 tháng 6 năm 2011 vợ chồng ông bà có cho ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Tường V vay số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm, kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011 đến 01 tháng 6 năm 2016, việc vay tiền hai bên có lập hợp đồng và được công chứng tại Phòng công chứng tỉnh Quảng Trị. Đến nay, thời hạn vay tiền đã kết thúc, sau nhiều lần yêu cầu ông T, bà V trả tiền nhưng ông T, bà V vẫn không thực hiện. Nay ông T, bà V làm thủ tục ly hôn, ông bà yêu cầu ông T, bà V phải trả lại cho ông bà số tiền 1.600.000.000 đồng nói trên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại đơn trình bày, bà Tường V thừa nhận: vào năm 2010, vợ chồng tôi có mở Công ty du lịch để làm ăn, do làm ăn thất bại nên vợ chồng tôi có xin bố mẹ chồng là ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Kim X số tiền 1.500.000.000đ để xoay sở trả nợ. Lúc đó ông K, bà X cũng đồng ý giúp cho số tiền trên nhưng yêu cầu hai vợ chồng tôi phải ký vào hợp đồng vay số tiền đó với lý do không phải cho chúng tôi vay mà là để vợ chồng tôi không ỷ lại bố mẹ nữa và vợ chồng tôi cũng đã ký vào Hợp đồng vay có công chứng đó. Nay vợ chồng tôi ly hôn bố mẹ chồng tôi lại đem hợp đồng đó ra để đòi lại tiền. Về nguyên tắc tôi đã ký vào hợp đồng vay thì tôi phải trả lại 50% số tiền đã vay nhưng vì hiện tại hoàn cảnh của tôi đang rất khó khăn, tôi đang một mình nuôi hai con, là cháu nội của ông bà, anh T thì không chu cấp tiền để tôi nuôi con, nên tôi xin ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Kim X cho tôi toàn bộ số tiền nợ 750.000.000 đồng là 50% số tiền vay. Tại phiên tòa, bà Tường V thay đổi lời khai, bà xác định lại tổng số tiền vợ chồng bà vay của ông K, bà X là 1.600.000.000 đồng chứ không phải 1.500.000.000 đồng như đã khai trước đây, bà xin ông K, bà X cho bà toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng là 50% số tiền vay, 800.000.000 đồng còn lại ông Nguyễn Anh T phải có trách nhiệm trả cho ông K, bà X.

Còn Ông Nguyễn Anh T không có văn bản nào trình bày về yêu cầu độc lập của Ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Kim X.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Anh T đối với bà Nguyễn Thị Tường V.

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao hai con chung Nguyễn Anh Uyên P - sinh ngày 08/11/2005 và Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 12/01/2009 cho bà Nguyễn Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000đ (1.500.000đ/con) cho đến khi các con chung của ông bà đủ 18 tuổi.

* Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, còn bà Nguyễn Thị Tường V xác định vợ chồng không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

* Về nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Kim X, buộc ông Nguyễn Anh T và Bà Nguyễn Thị Tường V phải trả cho ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Kim X số tiền 1.600.000.000 đồng. Trong đó, ông T phải trả 800.000.000 đồng, bà Tường V phải trả 800.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Anh T đối với bà Nguyễn Thị V là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Anh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Kim X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Anh T và Bà Nguyễn Thị Tường V kết hôn năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 06 tháng 8 năm 2004). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Anh T và ý kiến của bà Nguyễn Thị Tường V, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mặc dù ông Nguyễn Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do quan điểm sống và tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông chủ yếu là do nợ nần nhiều nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát

nhau, công an phường A đã nhiều lần can thiệp giải quyết và theo dư luận tại địa phương thì ông T còn sử dụng ma túy. Những thông tin này phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tường V. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai ông bà là có thật và đã đến mức trầm trọng, việc ông bà sống ly thân nhau chứng tỏ mâu thuẫn đã lên đến đỉnh điểm, không thể hàn gắn được; trong quá trình giải quyết vụ án, ông T nhiều lần làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đã thể hiện ông cũng không tha thiết gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về phía bà Tường V cũng đồng ý ly hôn với ông T. Vì vậy, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Anh T và Bà Nguyễn Thị Tường V có 02 con chung tên: Nguyễn Anh Uyên P - sinh ngày 08/11/2005 và Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 12/01/2009. Ông Nguyễn Anh T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Tuấn A, giao cháu Nguyễn Anh Uyên P cho bà Nguyễn Thị Tường V nuôi dưỡng, hai ông bà không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Còn bà Nguyễn Thị Tường V xin được nuôi hết cả 02 con và yêu cầu ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000đ (1.500.000đ/con).

Xét yêu cầu của hai ông bà về việc nuôi con thì thấy từ khi ông T và bà Tường V sống ly thân nhau, ông T về sống tại nhà cha mẹ ông tại Quảng Trị, các con chung của hai ông bà vẫn sống cùng với bà Tường V và ông bà ngoại tại số nhà 45, đường Đỗ Xuân Hợp, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, các cháu sinh sống ổn định, học hành và phát triển bình thường. Nguyên vọng của các cháu hiện nay cũng muốn được ở với mẹ. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống ổn định của các cháu Hội đồng xét xử thấy không thể chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của ông T mà cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tường V, giao hai cháu Nguyễn Anh Uyên P và Nguyễn Tuấn A cho Bà Nguyễn Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3.1] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị Tường V yêu cầu ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000đ/01 con). Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay các con chung của hai ông bà đang độ tuổi ăn học, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ cả về vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, từ khi ông bà sống ly thân nhau đến nay Bà Nguyễn Thị Tường V phải cang đáng tất cả việc ăn, học, nuôi dạy cho cả hai cháu, rất khó khăn. Do đó, việc bà Tường V yêu cầu ông Nguyễn Anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000đ/01 con) là chính đáng, phù hợp với mức thu nhập hàng tháng của ông Nguyễn Anh T (10.000.000 đồng/ tháng), phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, không trái với đạo đức xã hội nên chấp nhận.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, còn bà Nguyễn Thị Tường V xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: Ngày 02 tháng 6 năm 2011, cha mẹ Ông Nguyễn Anh T là ông Nguyễn Minh K và bà Nguyễn Thị Kim X có cho ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Tường V vay số tiền 1.600.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm, kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011 đến 01 tháng 6 năm 2016, việc vay tiền hai bên có lập hợp đồng và được công chứng tại Phòng công chứng tỉnh Quảng Trị. Đến nay, thời hạn vay tiền đã kết thúc, sau nhiều lần yêu cầu ông T, bà V trả tiền nhưng ông T, bà V vẫn không thực hiện. Nay ông T, bà V ly hôn nên ông K, bà X yêu cầu ông T, bà V phải trả lại cho ông bà số tiền 1.600.000.000 đồng nói trên.

Đối với ông Nguyễn Anh T không có bất cứ văn bản nào trình bày về yêu cầu đòi số tiền trên của ông K, bà X nhưng tại phiên tòa bà Tường V đã thừa nhận bà và ông Nguyễn Anh T có ký hợp đồng vay số tiền 1.600.000.000 đồng của ông K, bà X vào ngày 02 tháng 6 năm 2011 như ông K, bà X trình bày tại đơn yêu cầu độc lập. Sự thừa nhận của bà Tường V phù hợp với chứng cứ do ông K, bà X xuất trình là bản hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 6 năm 2011 đã được công chứng tại Phòng công chứng tỉnh Quảng Trị. Mặc dù bà Tường V cho rằng thực chất số tiền trên ông K, bà X đã cho hai vợ chồng ông bà để trả nợ do làm ăn thua lỗ và việc ông K, bà X yêu cầu vợ chồng ông bà ký vào hợp đồng vay tiền nói trên chỉ là để vợ chồng ông bà không ý lại vào bố mẹ nữa. Tuy nhiên, bà không chứng minh được việc ông K, bà X đã cho vợ chồng bà số tiền nói trên. Do đó, căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 6 năm 2011, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định số tiền 1.600.000.000đ ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Tường V vay của ông Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị Kim X theo hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 6 năm 2011 trong thời kỳ hôn nhân là nợ chung của hai vợ chồng. Đến thời điểm xét xử hiện nay khoản nợ trên đã quá hạn trả nợ nhưng ông T, bà V vẫn không trả nên việc ông K, bà X yêu cầu ông T, bà V phải trả khoản nợ trên là có cơ sở.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 60 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 buộc ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Tường V phải trả cho ông Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị Kim X số tiền 1.600.000.000 đồng. Trong đó, ông T phải trả 800.000.000 đồng, bà Tường V phải trả 800.000.000 đồng là phù hợp.

[5.1] Theo hợp đồng vay tiền ngày 02 tháng 6 năm 2011, hai bên thỏa thuận việc vay tiền không có lãi suất, trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị Kim X cũng không có yêu cầu gì về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

- Ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình 300.000đ ông Nguyễn Anh T đã nộp tại biên lai thu số 01544 ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận S. Số tiền án phí ông T còn phải tiếp tục nộp là 36.300.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn Anh T đối với bà Nguyễn Thị Tường V.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Anh T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tường V (Giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 06 tháng 8 năm 2004 của Ủy ban nhân dân phường F thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị).

2. Về con chung: giao hai cháu Nguyễn Anh Uyên P - sinh ngày 08/11/2005 và Nguyễn Tuấn A - sinh ngày 12/01/2009 cho bà Nguyễn Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Buộc ông Nguyễn Anh T phải cấp dưỡng nuôi hai cháu Nguyễn Anh Uyên P và Nguyễn Tuấn A mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000đ/01 cháu). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Tường V phải trả cho ông Nguyễn Minh K, bà Nguyễn Thị Kim X số tiền 1.600.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Trong đó, ông Nguyễn Anh T phải trả 800.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tường V phải trả 800.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng; án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình 300.000đ ông Nguyễn Anh T đã nộp tại biên lai thu số 01544 ngày 20 tháng 02 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận S. Số tiền án phí ông T còn phải tiếp tục nộp là 36.300.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận S
- Những người tham gia tố tụng
- Ủy ban nhân dân phường F,
thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ PHƯỚC HOÀ